

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

**CTCP CÀ PHÊ THẮNG
LỢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 87/BC-CTCP

ĐăkLăk, ngày 13 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000182456
- Vốn điều lệ: 126.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Km 17 Quốc lộ 26, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh ĐăkLăk
- Số điện thoại: 02623.514.365
- Số fax/Fax: 02623.514.365
- Website: <http://thangloicoffee.com.vn/>
- Mã cổ phiếu: CFV
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)
- + Ngày thành lập: 10/07/2008
- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
- + Mã ngành nghề: 0126 (Trồng cây cà phê)

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

+ Địa chỉ trụ sở chính: Km 17, Quốc lộ 26, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp) bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông.

+ Hội đồng quản trị.

+ Ban kiểm soát.

+ Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

+ Tổng giám đốc.

+ Phó Tổng giám đốc.

+ Kế Toán trưởng.

+ Chức danh quản lý khác.

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

4. Định hướng phát triển

- Tập chung chính vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh cà phê của Công ty, trong đó:

+ Cà phê sản xuất: hướng tới phát triển bền vững, vườn cây đạt tiêu chuẩn chất lượng chứng nhận của các tổ chức uy tín như RA.

+ Cà phê kinh doanh thu mua: tận dụng thế mạnh và thương hiệu Thắng Lợi kinh doanh sản phẩm cà phê chất lượng cao xuất khẩu thị trường nước ngoài.

- Khai thác tối đa hiệu quả sử dụng các kho xưởng tại Đak Lak và Bình Dương.

- Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả cao đi đôi với việc đảm bảo đời sống cho người lao động, hỗ trợ và tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021 tình hình Công ty tiếp tục diễn biến phức tạp đại đa số người nhận khoán vẫn chưa hợp tác với công ty trong việc thực hiện hợp đồng giao khoán, cùng với đại dịch CoVid-19 lần thứ tư bùng phát mạnh tại Việt Nam do vậy việc lưu thông, tiêu thụ hàng hóa gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến hoạt động kinh doanh cũng bị ảnh hưởng tương đối nhiều. Song với sự chỉ đạo sát sao của chủ tịch HĐQT, sự cố gắng nỗ lực của Ban điều hành, cán bộ nhân viên các phòng ban liên quan, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng cơ bản đạt được một số kết quả nhất định.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác,

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Phạm Xuân Thụ	20/10/1965	Đại học	02/10/2019	0,026%
2	Bà Hoàng Thị Thu Hà	23/08/1987	Thạc sỹ	03/12/2019	0%
3	Ông Đoàn Đình Hồng	20/07/1965	Đại học	01/06/2020	0,023%
4	Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	02/10/1990	Cử nhân kế toán	05/08/2020 (bổ nhiệm)	0,003%

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động đến 31/12/2021 là 117 người, trong đó: có 49 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 22 người chiếm 18,8%; trình độ cao đẳng là 5 người chiếm 4,27%, trình độ trung cấp là 5 người chiếm 4,27%; trình độ sơ cấp là 85 người, chiếm 72,65%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết.

Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	216.726.828.499	183.793.552.147	-15%
Doanh thu thuần	206.957.682.723	351.976.448.149	70%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.570.089.363	6.070.786.776	33%
Lợi nhuận khác	174.596.249	1.530.165.683	776%
Lợi nhuận trước thuế	4.744.685.612	7.600.952.459	60%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,65	2,32	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,78	1,56	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,41	0,27	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,69	0,37	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,24	7,37	
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,95	1,75	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	0,02	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,03	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 12.650.000 cổ phiếu phổ thông, trong đó:
 - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.316.900 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 333.100 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp).

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Công ty sản xuất cà phê nhân khô không có rác thải ảnh hưởng tới môi trường

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Hàng năm Công ty sử dụng hơn 100.000 bao đay (loại bao sợi đay 100% tự nhiên) cho việc đóng gói xuất hàng và không có sử dụng tái chế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Công ty sử dụng 100% điện mua của Điện lực Việt Nam, Công ty hạn chế tối đa sản xuất vào các khung giờ cao điểm để tiết kiệm năng lượng và giảm chi phí.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).

Khu vực Công ty đang sử dụng 100% nước giếng do chưa có hệ thống nước sạch được cung cấp tới địa bàn Công ty, vì vậy không đo lường được, tuy nhiên sản lượng tiêu thụ không đáng kể do trong quá trình sản xuất không sử dụng nước cho máy móc.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động: Tổng số lao động đến 31/12/2021 là 117 người, trong đó: có 49 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 22 người chiếm 18,8%; trình độ cao đẳng là 5 người chiếm 4,27%, trình độ trung cấp là 5 người chiếm 4,27%; trình độ sơ cấp là 85 người, chiếm 72,65%.

- Mức lương trung bình: 7.804.688 đồng/người/tháng (Đối với cán bộ nhân viên gián tiếp phục vụ) và 7.033.401 đồng/người/ tháng (đối với công nhân chế biến cà phê).

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Đảm bảo đầy đủ

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trích nộp quỹ Phòng chống thiên tai năm 2021 với tổng số tiền là 53.500.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Năm 2021 Lợi nhuận vượt kế hoạch và cao hơn năm 2020 tuy nhiên lợi nhuận chủ yếu tập trung vào kinh doanh thu mua cà phê và một số hoạt động kinh doanh khác, còn về sản xuất vẫn tiếp tục gặp khó khăn như thu sản lượng giao khoán hàng năm, không nộp tiền thuê đất và các khoản nợ khác.

- Các chỉ tiêu cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021 so với KH năm 2021
A	SẢN PHẨM CHỦ YẾU	Tấn nhân	8.587	8.743	98%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.446	8.500	99%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	141	243	58%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	351.976	313.797	112%
1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	338.894	300.000	113%
2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	4.636	6.497	71%
3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	8.446	7.300	116%
II	Giá vốn hàng bán (chi phí sản xuất)	Triệu đồng	325.825	291.641	112%
1	Giá vốn cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	323.291	284.500	114%
2	Giá vốn cà phê kế hoạch	Triệu đồng	498	4.641	11%
3	Giá vốn cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	2.036	2.500	81%
III	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	26.151	22.156	118%
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	5.192	3.500	148%
V	Chi phí tài chính	Triệu đồng	2.997	2.200	136%
VI	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	9.175	11.500	80%
VII	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	13.100	8.300	158%
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	6.071	3.656	166%

X	Thu nhập khác	Triệu đồng	2.330	1.150	203%
XI	Chi phí khác	Triệu đồng	800	1.000	80%
XII	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.530	150	1020%
XIII	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	7.601	3.806	200%
XIV	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.702	761	224%
XV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	5.899	3.045	194%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

Trên cơ sở Nghị Quyết HĐQT về sản xuất kinh doanh. Ban Tổng giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch, các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện và đã lãnh đạo, chỉ đạo các phòng ban thực hiện khá tốt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể:

- **Hoạt động sản xuất:**

Không hoàn thành kế hoạch do:

- Năm 2021 tình hình Công ty tiếp tục diễn biến phức tạp đại đa số người nhận khoán vẫn chưa hợp tác với công ty trong việc thực hiện hợp đồng giao khoán, mặc dù công công ty đã có một số chủ trương có lợi cho người nhận khoán và tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã đưa ra xét xử các vụ án người nhận khoán kiện Công ty và đã bác các yêu cầu khởi kiện vì không có cơ sở, đồng thời xét xử 02 vụ đối với 10 trường hợp công ty kiện người nhận khoán và chấp thuận các nội dung khởi kiện của công ty là chấm dứt hợp đồng, thu hồi vườn cây và trả các khoản nợ.

- Nhóm đối tượng cầm đầu, lôi kéo người nhận khoán trong Công ty kiến nghị đòi hỏi chế độ, quyền lợi chỉ là cái cớ, mục đích chính là phá hoại cổ phần hóa doanh nghiệp, làm cho doanh nghiệp phá sản, giải thể, chuyển đất về địa phương và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao cho cá nhân quản lý. Và gần đây nhất vào các ngày từ 21 đến 23/3/2022 mục đích đòi đất của họ thực sự lộ rõ.

- **Hoạt động kinh doanh thu mua ngoài**

Năm 2021 đại dịch CoVid-19 lần thứ tư bùng phát mạnh tại Việt Nam do vậy việc lưu thông, tiêu thụ hàng hóa gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến hoạt động kinh doanh cũng bị ảnh hưởng tương đối nhiều. Song với sự chỉ đạo sát sao của chủ tịch HĐQT, sự cố gắng nỗ lực của Ban điều hành, cán bộ nhân viên các phòng ban liên quan, cùng với sự thuận lợi về giá cả phê kỳ hạn sản Lodon tăng cao, hoạt động kinh doanh đã đạt được kết quả cao trong năm 2021.

- **Kết quả kinh doanh một số lĩnh vực khác:**

Ngoài ngành nghề sản xuất kinh doanh cà phê Công ty còn kinh doanh các ngành nghề, lĩnh vực khác, như kinh doanh cho thuê nhà kho nhà xưởng, hoạt động tài chính... cũng mang lại hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Cuối năm so với đầu năm, tổng tài sản của Công ty giảm 32.933 triệu đồng, tương ứng tốc độ giảm 15%, đi sâu vào từng bộ phận ta thấy:

- Tài sản ngắn hạn giảm 26.099 triệu đồng, tương ứng tốc độ giảm 19% là do:
 - + Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 512 triệu đồng, tương ứng tốc độ tăng 90%
 - + Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 7.114 triệu đồng, tương ứng tốc độ tăng 15%
 - + Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 5.363 triệu đồng, tương ứng tốc độ tăng 39%
 - + Hàng tồn kho giảm 39.509 triệu đồng, tương ứng tốc độ giảm 52%
 - + Tài sản ngắn hạn khác tăng 420 triệu đồng, tương ứng tốc độ tăng 39%
- Tài sản dài hạn giảm 6.833 triệu đồng, tương ứng tốc độ giảm 9% là do:
 - + Tài sản cố định tăng 1.025 triệu đồng, tương ứng tốc độ tăng 3% do mua sắm tài sản cố định trong kỳ
 - + Bất động sản đầu tư giảm 1.433 triệu đồng, tương ứng tốc độ giảm 8% do ảnh hưởng của việc trích khấu hao trong kỳ
 - + Tài sản dở dang dài hạn tăng 453 triệu, tương ứng với tốc độ tăng 30%
 - + Đầu tư tài chính dài hạn giảm 6.300 triệu, tương ứng tốc độ giảm 100%
 - + Tài sản dài hạn khác giảm 579 triệu đồng tương ứng tốc độ giảm 4%

b) Tình hình nợ phải trả

- Tại ngày 31/12/2021, nợ phải trả của Công ty là 49.798 triệu đồng, giảm 38.832 triệu đồng so với ngày 01/01/2021, tương ứng với tốc độ giảm 44%, nguyên nhân là do:
 - + Nợ ngắn hạn giảm 38.996 triệu đồng, tương ứng với tốc độ giảm 45%, nguyên nhân chủ yếu là do vay tài chính ngắn hạn ngân hàng giảm 41.030 triệu đồng, giảm 61%, do các khoản nợ vay Công ty mua hàng tồn kho đã được thanh toán.
 - + Nợ dài hạn tăng 163 triệu đồng, tương ứng với tốc độ tăng 11%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành Công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ SXKD, các mẫu biểu, văn bản báo cáo của Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý các phòng nghiệp vụ chuyên môn như sau:

+ Trong năm 2021 Ban điều hành đã đạt thực hiện triển khai đúng và đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT và đạt được những kết quả nhất định.

+ Ban điều hành đã có nhiều cố gắng, đoàn kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, sự đồng lòng của cán bộ, công nhân viên, người lao động, Công ty sẽ vượt qua các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, từng bước khắc phục các trở ngại trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phía trước.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Năm 2022 Hội đồng quản trị sẽ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời phối hợp và xử lý xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác quản trị và tối đa lợi ích của cổ đông.

- Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tập trung công tác thu sản lượng của người nhận khoán thông qua việc kết hợp với các cơ quan chính quyền địa phương, đồng thời nghiên cứu và đưa ra các chính sách hỗ trợ phù hợp, chính sách khuyến khích áp dụng cho người nhận khoán.

- Đầu tư phương tiện vận tải, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị tại Xưởng chế biến với công nghệ hiện đại để đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị sẽ nghiên cứu và phát triển thêm về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng Tiêu để mở rộng hoạt động kinh doanh và tăng nguồn thu cho Công ty

- Tiếp tục gắn kết và tạo uy tín đối với các đối tác cũ bao gồm cả đầu vào và đầu ra của Công ty, tăng sản lượng mua bán.

- Xúc tiến mở rộng thị phần trong tỉnh và các tỉnh lân cận, tìm kiếm các đối tác mới, liên kết kinh doanh với các công ty, doanh nghiệp hợp tác xã trồng, chế biến cà phê; Phát triển tìm kiếm khách hàng đầu ra trong nước và quốc tế thông qua môi giới và các công ty nước ngoài đang kinh doanh cà phê trong nước.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ khối lượng, chất lượng hàng hóa nhập vào, xuất đi theo đúng hợp đồng ký kết; bố trí, sắp xếp lại tổ chức sản xuất tại xưởng Chế biến, cũng như rà soát lại định mức giao khoán cho phù hợp thị trường;

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc tích cực, hiện đại, quyết liệt, tăng cường đào tạo phát triển nhân sự để xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ/ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	02/10/2019	
2	Ông Phạm Xuân Thụ	TV HĐQT	02/10/2019	
3	Ông Đỗ Hoàng Phương	TV HĐQT	02/10/2019	
4	Ông Đỗ Trọng Quân	TV HĐQT	25/04/2020	12/07/2021
5	Bà Hoàng Thị Thu Hà	TV HĐQT	02/10/2019	
6	Bà Đặng Thị Huyền	TV HĐQT	12/07/2021	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

- Hội đồng quản trị công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi đã tiến hành 04 phiên họp, ban hành 13 Nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQ - CTCP	15/01/2021	V/v thông qua trích thưởng cho CBCNV Công ty năm 2021	100%
2	02/2021/NQ – HĐQT	02/2021/NQ – HĐQT	V/v thông qua các nội dung về kết quả hoạt động SXKD, BCTC quý IV/2020 và cả năm 2020; kế hoạch SXKD cả năm 2021 và kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
3	02A/2021/NQ – HĐQT	08/03/2021	V/v thông qua các nội dung tài liệu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
4	04/2021/NQ – HĐQT	26/05/2021	V/v thông qua các nội dung về kết quả hoạt động SXKD, BCTC quý I/2021; kế hoạch SXKD quý II/2021; Xây dựng phương án sử dụng đất liên kết; Công tác tổ chức nhân sự tại Công ty	100%
5	06/2021/NQ – HĐQT	26/05/2021	Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm mới Thành viên HĐQT để trình xin ý kiến ĐHĐCĐ	100%
6	07/2021/NQ - HĐQT	30/06/2021	V/v thông qua Quy chế lương kinh doanh của CTCP cà phê Thăng Lợi áp dụng từ Đầu Quý III/2021	100%
7	09/2021/NQ - CTCP	17/07/2021	V/v thông qua việc đầu tư nâng cấp hệ thống sàng tại Xưởng chế biến công ty	100%
8	10/2021/NQ - CTCP	22/07/2021	V/v thông qua đề xuất nghiên cứu chuyển đổi mục đích sử dụng đất	60%
9	11/2021/NQ - CTCP	03/08/2021	V/v thu hồi Tờ trình số 22/TTr-CTTNHH ngày 12/2/2019; Thông báo số 72/TB-Cty ngày 24/4/2019; Thông báo số 714/TB-CTCP ngày 7/11/2020	60%
10	12/2021/NQ – HĐQT	24/08/2021	V/v thông qua các nội dung về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, BCTC quý II/2021; kế hoạch Sản xuất kinh	100%

			doanh 06 tháng cuối năm 2021 và thông qua đề xuất bàn giao công trình hồ Ea Nhái về UBND tỉnh quản lý	
11	13/2021/NQ - CTCP	28/10/2021	V/v thông qua chính sách giảm sản lượng nộp giao khoán mùa vụ năm 2021-2022	100%
12	14/2021/NQ - CTCP	06/11/2021	Vv thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý III/2021 và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/2021	100%
13	15/2021/NQ - CTCP	15/12/2021	V/v thông qua nội dung liên quan đến hợp đồng giao khoán	80%

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược về nhân sự ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi.

Hội đồng quản trị duy trì họp theo quy định mỗi quý ít nhất họp một lần để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
-----	----------------------------------	---------	--	---------------------

1	Ông Trần Quốc Độ	Trưởng BKS	02/10/2019	Cử nhân Kinh tế - Ngành tài chính kế toán doanh nghiệp
2	Ông Phạm Đình Bộ	TV BKS	02/10/2019	Kỹ sư lâm nghiệp chuyên ngành kinh tế; cử nhân chính trị; Luật sư
3	Bà Lưu Thị Thu Hiền	TV BKS	05/08/2020	Cử nhân Kế toán

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ 02 lần/năm và kiểm tra giám sát tuân thủ việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành theo các quy định quản trị doanh nghiệp và điều lệ công ty.

Tham dự các cuộc họp HĐQT, trực tiếp làm việc với ban điều hành để thảo luận về các vấn đề liên quan đến việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

Giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty: BKS đã kiểm tra báo cáo tài chính năm 2021, các báo cáo tài chính kiểm toán nhằm đánh giá tính hợp lý, chính xác trung thực các số liệu tài chính phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chất vấn Hội đồng quản trị và Ban điều hành đối với những hoạt động bất thường.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích ; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Tổng thù lao thực tế năm 2021 đã chi trả và kế hoạch thù lao năm 2022 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Nội dung	Tổng thù lao (lương và thưởng) năm 2021	Kế hoạch thù lao (lương và thưởng) năm 2022
-----	----------	---	---

01	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	344.896.250	350.000.000
02	Các Thành viên HĐQT không chuyên trách	50.000.000	144.000.000
03	Ban kiểm soát (3TV)	24.000.000	84.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 31



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tiền thân là Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi được cổ phần hóa theo quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần từ ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 09 tháng 10 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 126.500.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	
Ông Phạm Xuân Thụ	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Thành viên	
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 12/07/2021
Ông Đỗ Trọng Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/07/2021

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Xuân Thụ	Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Hoàng Phúc Chủ tịch HĐQT

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

6. Công bố trách nhiệm của Ban điều hành đối với Báo cáo tài chính

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban điều hành



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2022

KHOA QUẢN LÝ KINH DOANH



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 073/2022/BCKT-PB.00333

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban điều hành
Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc. Công ty đã có công văn số 733/CV-TL ngày 01 tháng 12 năm 2020 gửi UBND Tỉnh Đắk Lắk, Sở Tài chính Đắk Lắk và Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi, theo đó trình xem xét quyết toán chi phí cổ phần hóa 1.089.000.000 đồng, đồng thời kiến nghị xử lý giảm trừ một số khoản phải thu của các hộ nhận khoán, khoản âm quỹ khen thưởng phúc lợi, khoản tài sản thiếu chờ xử lý là giá trị còn lại của TSCĐ vườn cây cà phê bị các hộ tự ý chặt phá và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang năm 2018 không thu được sản lượng theo hợp đồng khoán vào giá trị phải nộp về Nhà Nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị của các khoản giảm trừ trên còn lại là 13.815.329.304 đồng.

Tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý, các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Không ảnh hưởng đến ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề được trình bày tại thuyết minh số 8.2. Theo đó, do năm tài chính 2020 của Công ty được bắt đầu từ ngày 09 năm 10 năm 2019 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của giai đoạn cùng kỳ.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi vẫn chưa được phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Do vậy số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty có thể thay đổi khi có quyết định phê duyệt chính thức.



LÊ VIỆT CƯỜNG

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
– CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2505-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.693.916.944	137.793.726.007
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.078.161.301	566.003.197
1. Tiền	111		1.078.161.301	566.003.197
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	53.360.000.000	46.246.022.575
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		53.360.000.000	46.246.022.575
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.221.570.194	13.858.990.920
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	6.728.595.000	60.599.554
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.675.908.242	1.366.624.092
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	15.156.160.824	13.630.024.670
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.350.230.499)	(1.209.394.023)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		11.136.627	11.136.627
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	36.547.808.883	76.056.787.474
1. Hàng tồn kho	141		36.547.808.883	79.614.742.179
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.557.954.705)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		1.486.376.566	1.065.921.841
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	55.587.425	76.451.541
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.180.897.840	747.371.834
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	249.891.301	242.098.466
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.099.635.203	78.933.102.492
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		41.192.555.149	40.167.537.648
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	41.159.383.859	40.123.494.358
- Nguyên giá	222		145.115.080.653	139.846.245.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.955.696.794)	(99.722.750.993)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	33.171.290	44.043.290
- Nguyên giá	228		54.360.000	54.360.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.188.710)	(10.316.710)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.10	16.202.399.316	17.635.427.088
- Nguyên giá	231		31.556.798.566	31.556.798.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.354.399.250)	(13.921.371.478)
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		1.980.111.413	1.527.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	1.980.111.413	1.527.000.000
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	-	6.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	6.300.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		12.724.569.325	13.303.137.756
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	12.724.569.325	13.303.137.756
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		183.793.552.147	216.726.828.499

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		49.798.456.327	88.630.580.586
I/ Nợ ngắn hạn	310		48.133.981.327	87.129.505.586
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	3.060.280.538	75.312.173
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		920.353	6.628.341
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	6.806.345.786	6.525.480.500
4. Phải trả người lao động	314		506.342.229	1.293.168.403
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	837.013.115	512.175.371
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	12.395.616.934	13.159.637.998
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	26.079.426.532	67.109.066.960
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(1.551.964.160)	(1.551.964.160)
II/ Nợ dài hạn	330		1.664.475.000	1.501.075.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.664.475.000	1.501.075.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.995.095.820	128.096.247.913
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.17	133.995.095.820	128.096.247.913
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.500.000.000	126.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.500.000.000	126.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.596.247.913	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.898.847.907	1.596.247.913
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(2.562.122.567)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.898.847.907	4.158.370.480
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		183.793.552.147	216.726.828.499



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2022


Nguyễn Thị Thúy Hằng
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	351.976.448.149	247.693.792.664
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		351.976.448.149	247.693.792.664
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	325.825.377.210	226.345.899.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.151.070.939	21.347.893.285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	5.191.811.699	4.941.575.049
7. Chi phí tài chính	22	6.04	2.997.124.152	2.598.061.043
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.257.917.091	775.603.882
8. Chi phí bán hàng	25	6.05	9.174.742.156	12.698.969.629
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	13.100.229.554	9.440.550.086
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.070.786.776	1.551.887.576
11. Thu nhập khác	31	6.07	2.330.003.571	1.327.205.855
12. Chi phí khác	32	6.08	799.837.888	696.530.386
13. Lợi nhuận khác	40		1.530.165.683	630.675.469
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.600.952.459	2.182.563.045
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.09	1.702.104.552	586.315.132
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.898.847.907	1.596.247.913
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	466	126
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	466	126




 Đỗ Hoàng Phúc
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2022


 Nguyễn Thị Thúy Hằng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Quỳnh Như
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	347.173.857.450	252.525.184.718
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(286.052.064.250)	(260.825.716.298)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.080.106.663)	(6.530.400.828)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.323.868.951)	(687.937.643)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(1.702.254.387)	(891.524.573)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.001.129.566	51.859.260.376
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.714.587.984)	(100.006.332.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.302.104.781	(64.557.466.311)
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.902.722.598)	(4.040.410.161)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	53.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.380.000.000)	(73.290.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	28.566.022.575	71.380.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.737.959.124	4.397.613.859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.978.740.899)	(1.499.432.666)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	273.026.647.195	259.636.353.480
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(311.823.252.083)	(193.983.379.587)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.796.604.888)	65.652.973.893
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	526.758.994	(403.925.084)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	566.003.197	969.500.510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(14.600.890)	427.771
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.078.161.301	566.003.197



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Thúy Hằng
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tiền thân là Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi được cổ phần hóa theo quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần từ ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 09 tháng 10 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 126.500.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là trồng, khai thác và chế biến kinh doanh cà phê.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 09 tháng 10 năm 2019 hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cà phê;
- Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê nhân;
- Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê bột;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ công, nông nghiệp;
- Dịch vụ du lịch, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho;
- Mua bán vật liệu xây dựng, mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là các chi phí phân bổ trong thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê đất khu công nghiệp

Chi phí thuê đất KCN Nam Tân Uyên được phân bổ theo thời gian thuê đất là 518 tháng tương đương khoảng 43 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác gồm các chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm, chi phí khác được phân bổ không quá 03 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

4.12 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu các năm trước.

Lợi nhuận chưa phân phối được phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông sau khi bù trừ các khoản lỗ lũy kế (nếu có).

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay dài hạn trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn vay bình quân cho hoạt động chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết và vốn vay bình quân chăm sóc cho vườn cây cao su khai thác.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	94.026.157	376.799.192
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	984.135.144	189.204.005
Tiền gửi VND	964.652.790	158.387.173
Tiền gửi ngoại tệ	19.482.354	30.816.832
Cộng	1.078.161.301	566.003.197

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	860,68	19.482.354

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	53.360.000.000	53.360.000.000	46.246.022.575	46.246.022.575
Tiền gửi có kỳ hạn	53.360.000.000	53.360.000.000	46.246.022.575	46.246.022.575
Dài hạn	-	-	6.300.000.000	6.300.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	6.300.000.000	6.300.000.000
Cộng	53.360.000.000	53.360.000.000	52.546.022.575	52.546.022.575

Toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn bị phong tỏa và đảm bảo cho các hợp đồng vay, chi tiết tại thuyết minh 5.16

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu các khách hàng khác				
MARUBENI	6.722.552.460	-	-	-
CORROPATION				
Các khách hàng khác	6.042.540	-	60.599.554	-
Cộng	6.728.595.000	-	60.599.554	-

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước các khách hàng khác				
Chi nhánh Công ty Luật TNHH HK & Gia Luật	-	-	140.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cà phê 15	500.000.000	-	-	-
VIỆN NĂNG LƯỢNG	998.600.000	-	998.600.000	-
Các đối tượng khác	177.308.242	-	228.024.092	-
Cộng	1.675.908.242	-	1.366.624.092	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	528.873.000	-	514.454.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	114.763.302	-	40.266.508	-
Phải thu khác	14.512.524.522	(4.350.230.499)	13.075.304.162	(1.209.394.023)
<i>Tiền thuê đất công nhân phải nộp trước cổ phần hóa</i>	9.109.295.282	(3.955.678.499)	9.673.821.271	(1.209.394.023)
<i>Tiền thuê đất công nhân phải nộp năm 2021</i>	2.198.460.512	-	-	-
<i>Tiền thuê đất công nhân phải nộp năm 2020</i>	2.102.138.020	-	2.308.735.973	-
<i>Tiền phân bón công nhân phải nộp</i>	610.404.000	(305.202.000)	640.674.000	-
<i>Vay tài canh</i>	178.700.000	(89.350.000)	178.700.000	-
<i>Phải thu BHXH công nhân</i>	239.343.859	-	199.335.955	-
<i>Các khoản khác</i>	74.182.849	-	74.036.963	-
Cộng	15.156.160.824	(4.350.230.499)	13.630.024.670	(1.209.394.023)

Khoản tiền thuê đất của các hộ liên kết, hộ nhận khoán phải nộp theo tỷ lệ và khoản tiền phân bón đã bán từ các năm trước hiện chưa có đối chiếu xác nhận do các hộ này không nhận các thư đối chiếu và không hợp tác hoàn trả các khoản nợ cho Công ty. Hiện tại, Công ty đang kiến nghị UBND tỉnh Đắk Lắk, Ban chỉ đạo cổ phần hóa cho phép giảm trừ khoản công nợ này vào giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần ngày 08/10/2019.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	707.290.594	-	961.760.408	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (1)	9.230.182.155	-	8.553.820.046	-
Thành phẩm	5.024.241	-	9.317.127	-
Hàng hoá	26.605.313.081	-	70.089.844.598	(3.557.954.705)
Cộng	36.547.808.883	-	79.614.742.179	(3.557.954.705)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(1) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm khoản chi phí sản xuất năm 2018, 2019, 2020 và 2021 với giá trị là 9.230.182.155 đồng tương ứng với sản lượng năm 2018, 2019, 2020 và 2021 còn phải thu của các hộ nhận khoán. Trong đó, chi phí sản xuất năm 2018 là 2.532.529.235 đồng tương ứng với 1.136.210 kg, năm 2019 là 2.877.445.598 đồng tương ứng với 2.480.318 kg, chi phí sản xuất năm 2020 là 2.799.639.098 đồng tương ứng với 2.539.520 kg, chi phí sản xuất năm 2021 là 1.020.568.224 đồng tương ứng với 2.645.798 kg

Đối với khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang từ năm 2018, Ban Điều hành Công ty đánh giá việc thu hồi đủ là rất khó khăn và phát sinh rủi ro tiềm ẩn một khoản chi phí tồn đọng không có khả năng thu hồi.

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	54.382.883	44.709.875
Các khoản khác	1.204.542	31.741.666
Cộng	55.587.425	76.451.541

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	618.822.510	448.407.397
Chi phí sửa chữa tài sản	1.634.005.887	2.010.189.828
Chi phí thuê đất KCN Nam Tân Uyên	10.394.817.117	10.721.354.757
Các khoản khác	76.923.811	123.185.774
Cộng	12.724.569.325	13.303.137.756

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8		Tinh hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYỄN GIÁ								
Số dư tại 01/01/2021	52.683.215.343	23.905.493.703	3.252.329.565	130.387.273	59.874.819.467	139.846.245.351		
Mua trong năm	500.000.000	4.000.983.636				4.500.983.636		
Phân loại lại từ sửa chữa lớn theo Kiểm toán Nhà Nước	767.851.666					767.851.666		
Số dư tại 31/12/2021	53.951.067.009	27.906.477.339	3.252.329.565	130.387.273	59.874.819.467	145.115.080.653		
GIÁ TRỊ HAO MÒN								
Số dư tại 01/01/2021	41.623.309.684	15.885.331.336	2.316.566.952	130.387.273	39.767.155.748	99.722.750.993		
Khấu hao trong năm	948.445.211	935.227.423	145.809.900		2.038.923.623	4.068.406.157		
Phân loại lại từ sửa chữa lớn theo Kiểm toán Nhà Nước	164.539.644					164.539.644		
Số dư tại 31/12/2021	42.736.294.539	16.820.558.759	2.462.376.852	130.387.273	41.806.079.371	103.955.696.794		
GIÁ TRỊ CÒN LẠI								
Số dư tại 01/01/2021	11.059.905.659	8.020.162.367	935.762.613	-	20.107.663.719	40.123.494.358		
Số dư tại 31/12/2021	11.214.772.470	11.085.918.580	789.952.713	-	18.068.740.096	41.159.383.859		

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 67.860.649.558 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	-	54.360.000	54.360.000
Mua trong năm			-
Số dư tại 31/12/2021	-	54.360.000	54.360.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2021	-	10.316.710	10.316.710
Khấu hao trong năm	-	10.872.000	10.872.000
Số dư tại 31/12/2021	-	21.188.710	21.188.710
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2021	-	44.043.290	44.043.290
Số dư tại 31/12/2021	-	33.171.290	33.171.290

5.10 Tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	29.938.241.930	1.618.556.636	31.556.798.566
Số dư tại 31/12/2021	29.938.241.930	1.618.556.636	31.556.798.566
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2021	13.411.681.228	509.690.250	13.921.371.478
Khấu hao trong năm	1.352.099.940	80.927.832	1.433.027.772
Số dư tại 31/12/2021	14.763.781.168	590.618.082	15.354.399.250
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2021	16.526.560.702	1.108.866.386	17.635.427.088
Số dư tại 31/12/2021	15.174.460.762	1.027.938.554	16.202.399.316

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.11 Tăng giảm chi phí XDCB dở dang

	01/01/2021 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tăng TSCĐ VND	31/12/2021 VND
Dự án điện gió	1.527.000.000	-	-	1.527.000.000
Vườn cây cà phê trồng mới	-	453.111.413	-	453.111.413
Tổng cộng	1.527.000.000	453.111.413	-	1.980.111.413

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Hà Nội		-	33.359.860	33.359.860
Công ty TNHH Thương mại Thái Phúc	2.986.054.500	2.986.054.500	-	-
Các đối tượng khác	74.226.038	74.226.038	41.952.313	41.952.313
Cộng	3.060.280.538	3.060.280.538	75.312.173	75.312.173

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay	20.395.740	88.795.030
Chi phí chứng nhận café	-	288.412.800
Chi phí hoa hồng môi giới	35.892.720	64.366.163
Tiền lương, thưởng	748.600.000	-
Chi phí khác	32.124.655	70.601.378
Cộng	837.013.115	512.175.371

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	241.281.634	-	1.702.104.552	1.702.254.387	241.431.469	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.151.796	172.957.721	187.752.517	7.643.000	-
Thuế tài nguyên	-	-	2.866.680	2.866.680	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	4.966.065.490	5.492.454.519	5.203.054.281	-	5.255.465.728
Các loại thuế khác	-	1.552.263.214	5.293.263	6.676.419	-	1.550.880.058
Phí, lệ phí và các khoản khác	816.832	-	6.000.000	6.000.000	816.832	-
Cộng	242.098.466	6.525.480.500	7.381.676.735	7.108.604.284	249.891.301	6.806.345.786

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	219.579.635	219.579.635	228.788.111	228.788.111
Bảo hiểm xã hội	135.874.553	135.874.553	83.138.158	83.138.158
Bảo hiểm y tế	107.322.287	107.322.287	95.118.784	95.118.784
Phải trả về cổ phần hóa	4.015.607.667	4.015.607.667	4.015.607.667	4.015.607.667
Vốn hợp tác đầu tư vườn cây của hộ nông dân	7.171.074.978	7.171.074.978	8.014.085.474	8.014.085.474
Phải trả khác	746.157.814	746.157.814	722.899.804	722.899.804
Cộng	12.395.616.934	12.395.616.934	13.159.637.998	13.159.637.998

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.664.475.000	1.664.475.000	1.501.075.000	1.501.075.000
Cộng	1.664.475.000	1.664.475.000	1.501.075.000	1.501.075.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁ PHÊ THĂNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
1>Vay ngắn hạn	26.079.426.532	26.079.426.532	272.146.647.195	313.176.287.623	67.109.066.960	67.109.066.960
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đắk Lắk	17.682.849.344	17.682.849.344	245.939.991.026	276.066.011.778	47.808.870.096	47.808.870.096
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	6.501.100.268	6.501.100.268	19.848.242.969	28.004.834.581	14.657.691.880	14.657.691.880
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đắk Lắk	1.895.476.920	1.895.476.920	6.358.413.200	9.105.441.264	4.642.504.984	4.642.504.984
Cộng	26.079.426.532	26.079.426.532	272.146.647.195	313.176.287.623	67.109.066.960	67.109.066.960

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 29 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thông tin thuyết minh bổ sung cho các khoản vay:

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2021	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đắk Lắk 276952/HBHM ngày 14/12/2021	06 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	70.000.000.000 đồng	17.682.849.344	Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và kinh doanh cà phê xuất khẩu (Vay trả tiền thu mua cà phê)	Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Ngoại thương với tổng giá trị lần lượt là 10.300.000.000 đồng và 20.160.000.000 đồng; Hợp đồng bảo hiểm hỏa giá trị 23.200.000.000 đồng và Hợp đồng bảo hiểm tài sản giá trị là 26.500.000.000 đồng
Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đắk Lắk 1115/2021/HDTĐ/DLL/01 ngày 15/12/2021	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	1.000.000 USD hoặc VND tương đương	1.895.476.920	Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu và phê và bán cà phê trong nước của khách hàng	Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tổng giá trị là 7.700.000.000 đồng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk (USD) 01/2021/18025/HBTDHM ngày 29/11/2021	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	45.000.000.000 đồng	6.501.100.268	Vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh cà phê xuất khẩu (Thanh toán tiền mua cà phê)	Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tổng giá trị lần lượt là 3.000.000.000 đồng và 12.200.000.000 đồng
Cộng				<u><u>26.079.426.532</u></u>		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 09/10/2019	126.500.000.000	-	-	(2.562.122.567)	123.937.877.433
Lãi trong năm trước				4.158.370.480	4.158.370.480
Số dư tại 31/12/2020	126.500.000.000	-	-	1.596.247.913	128.096.247.913
Số dư tại 01/01/2021	126.500.000.000	-	-	1.596.247.913	128.096.247.913
Lãi trong năm nay				5.898.847.907	5.898.847.907
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước			1.596.247.913	(1.596.247.913)	-
Số dư tại 31/12/2021	126.500.000.000	-	1.596.247.913	5.898.847.907	133.995.095.820

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
UBND tỉnh Đắk Lắk	45.540.000.000	36,00%	45.540.000.000	36,00%
Phạm Thị Linh	77.619.000.000	61,36%	77.619.000.000	61,36%
Các cá nhân khác	3.341.000.000	2,64%	3.341.000.000	2,64%
Cộng	126.500.000.000	100%	126.500.000.000	100%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	337.893.934.335	234.295.524.432
Doanh thu bán thành phẩm	5.336.469.300	4.567.504.447
Doanh thu cho thuê kho	8.746.044.514	8.830.763.785
Cộng	351.976.448.149	247.693.792.664

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	326.604.814.934	219.647.091.730
Giá vốn của thành phẩm đã bán	742.057.935	922.483.221
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.036.459.046	2.218.369.723
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.557.954.705)	3.557.954.705
Cộng	325.825.377.210	226.345.899.379

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.752.378.124	4.114.631.859
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.439.433.575	826.943.190
	5.191.811.699	4.941.575.049

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.257.917.091	775.603.882
Chiết khấu thanh toán cho công nhân nộp sản lượng	862.672.891	939.336.847
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	760.704.839	151.264.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	115.829.331	731.856.075
Cộng	2.997.124.152	2.598.061.043

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	1.668.443.306	2.967.452.496
Chi phí vật liệu, bao bì	63.721.997	1.454.068.753
Chi phí khấu hao TSCĐ	167.730.394	1.634.880.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.340.220.990	4.135.753.196
Chi phí bằng tiền khác	1.934.625.469	2.498.787.132
Cộng	9.174.742.156	12.698.969.629

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	4.327.427.380	4.631.137.746
Chi phí vật liệu quản lý	898.220.926	335.555.874
Chi phí khấu hao TSCĐ	483.338.238	386.689.242
Thuế, phí và lệ phí	2.585.695.803	855.009.941
Chi phí dự phòng	3.140.836.476	1.209.394.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.908.989	472.612.317
Chi phí bằng tiền khác	965.801.742	1.550.150.943
Cộng	13.100.229.554	9.440.550.086

6.7 Thu nhập khác

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Thanh lý cây muồng đen	1.906.796.510	-
Các khoản khác	423.207.061	1.327.205.855
Cộng	2.330.003.571	1.327.205.855

6.8 Chi phí khác

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	108.202.960
Khấu hao TSCĐ không sử dụng sản xuất kinh doanh	277.660.728	-
Các khoản khác	522.177.160	588.327.426
Cộng	799.837.888	696.530.386

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.600.952.459	2.182.563.045
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	798.625.302	749.012.614
Các khoản điều chỉnh tăng	798.625.302	749.012.614
Các khoản chi phí không được trừ	744.635.980	749.012.614
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ các khoản tiền gửi, phải thu	53.989.322	-
Thu nhập tính thuế TNDN	8.399.577.761	2.931.575.659
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	1.679.915.552	586.315.132
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	22.189.000	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.702.104.552	586.315.132

6.10 Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.898.847.907	1.596.247.913
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	5.898.847.907	1.596.247.913
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.650.000	12.650.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	466	126

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	7.214.199.724	8.487.408.943
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	5.238.318.969	160.419.833.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.556.174.349	5.111.736.932
Thuế, phí, lệ phí	2.585.695.803	726.520.685
Chi phí dự phòng	(417.118.229)	3.717.377.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.055.082.735	4.719.473.868
Chi phí khác bằng tiền	3.124.680.169	5.976.868.344
Cộng	29.357.033.520	189.159.220.223

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	273.026.647.195	259.636.353.480

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	311.823.252.083	193.983.379.587

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên Quản lý chủ chốt	Chức danh	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	344.896.250	327.651.482
Ông Phạm Xuân Thọ	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	270.587.500	330.386.316
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	50.000.000	51.700.000
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	331.260.000	288.113.334
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên HĐQT	142.719.940	128.746.199
Ông Đỗ Trọng Quân	Thành viên HĐQT	65.321.732	153.550.525
Ông Đoàn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	238.210.000	199.463.308

8.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 09 tháng 10 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

Do đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần. Vì vậy, số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty có thể thay đổi sau khi được Cơ quan quản lý phê duyệt chính thức.

8.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2022


Nguyễn Thị Thúy Hằng
Kê toán trưởng


Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hàng Phúc